

En haut ⇨ En bas ⇩	 Terre 地 kūn 8	 Montagne 山 gèn 4	 Eau 水 kǎn 2	 Vent 風 xùn 6	 Tonnerre 雷 zhèn 1	 Feu 火 lí 5	 Marais 澤 duì 3	 Ciel 天 qián 7
 Terre 地 kūn 8	 坤 02 kūn	 剝 23 bō	 比 08 bǐ	 觀 20 guān	 豫 16 yù	 晉 35 jìn	 萃 45 cuì	 否 12 pǐ
 Montagne 山 gèn 4	 謙 15 qiān	 艮 52 gèn	 蹇 39 jiǎn	 漸 53 jiàn	 小過 62 xiǎo guò	 旅 56 lǚ	 咸 31 xián	 遯 33 dùn
 Eau 水 kǎn 2	 師 07 shī	 蒙 04 méng	 坎 29 kǎn	 渙 59 huàn	 解 40 xiè	 未濟 64 wèi jì	 困 47 kùn	 訟 06 sòng
 Vent 風 xùn 6	 升 46 shēng	 蠱 18 gǔ	 井 48 jǐng	 巽 57 xùn	 恆 32 héng	 鼎 50 dǐng	 大過 28 dà guò	 姤 44 gòu
 Tonnerre 雷 zhèn 1	 復 24 fù	 頤 27 yí	 屯 03 chún	 益 42 yì	 震 51 zhèn	 噬嗑 21 shì kè	 隨 17 suí	 無妄 25 wú wàng
 Feu 火 lí 5	 明夷 36 míng yí	 賁 22 bì	 既濟 63 jì jì	 家人 37 jiā rén	 豐 55 fēng	 離 30 lí	 革 49 gé	 同人 13 tóng rén
 Marais 澤 duì 3	 臨 19 lín	 損 41 sǔn	 節 60 jié	 中孚 61 zhōng fú	 歸妹 54 guī mèi	 睽 38 kuí	 兌 58 duì	 履 10 lǚ
 Ciel 天 qián 7	 泰 11 tài	 大畜 26 dà chù	 需 05 xū	 小畜 09 xiǎo chù	 大壯 34 dà zhuàng	 大有 14 dà yǒu	 夬 43 guài	 乾 01 qián